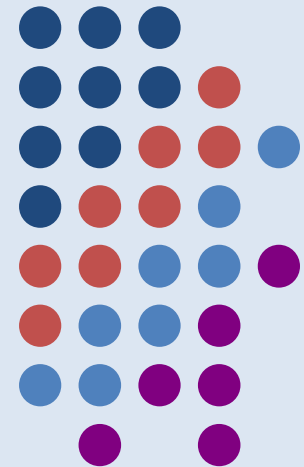


# Cụm ngành (Industrial Clusters)

Phát triển Vùng và Địa phương  
MPP 2019 – Học kỳ Xuân 2018

Nguyễn Xuân Thành



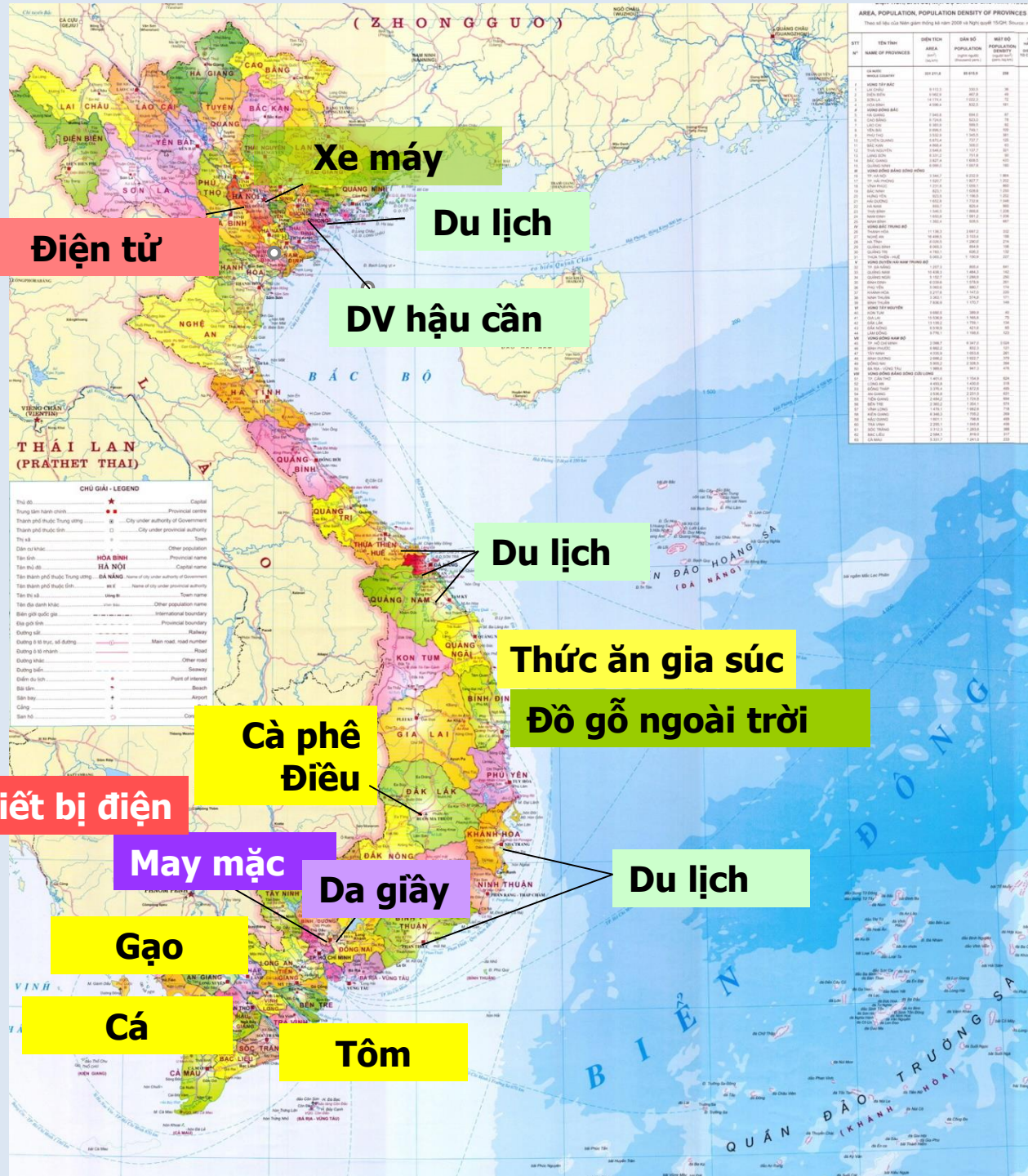
# Cụm ngành (industrial cluster) là gì?

---

- Cụm ngành là sự tập trung về mặt địa lý của các doanh nghiệp trong cùng một ngành cùng với những tổ chức hỗ trợ và liên quan, được kết nối với nhau bởi các giá trị chung và sự tương hỗ.
- Cấu thành của cụm ngành:
  - Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối cùng
  - Các ngành khâu trước – khâu sau
  - Các doanh nghiệp cung ứng chuyên biệt
  - Các đơn vị cung cấp dịch vụ
  - Các ngành khác có chia sẻ về hoạt động sản xuất, công nghệ và quan hệ khách hàng
  - Các định chế tài chính, giáo dục, nghiên cứu và cơ sở hạ tầng

Sự trỗi dậy của các cụm ngành cạnh tranh với đầu tư tư nhân trong nước và FDI

Các ngành kinh tế phát triển thành công thường tập trung theo cụm ở một địa phương/vùng



# Quá trình hình thành và phát triển của cụm ngành

---

- Cụm ngành thường hình thành trên cơ sở của những lợi thế về:
  - Điều kiện tự nhiên và nhân tố sản xuất
    - Cụm ngành nông nghiệp, du lịch từ điều kiện tự nhiên
    - Cụm ngành may mặc, cụm ngành giày dép từ lao động chi phí thấp
  - Điều kiện về cầu
    - Cụm ngành xe máy từ nhu cầu đi lại bằng xe máy ở Việt Nam
  - Sự phát triển của cụm ngành khác kề cận
    - Cụm ngành du lịch chữa bệnh ở Thái Lan từ cụm ngành du lịch
    - Cụm ngành CNTT ở Bangalore từ đầu tư quốc phòng của nhà nước
  - Sự hình thành của một hay một vài doanh nghiệp chủ chốt
    - Cụm ngành ĐTDĐ ở Vùng Hà Nội, Bắc Ninh & Thái Nguyên với Samsung
  - Đầu tư của nhà nước
    - Cụm ngành đóng tàu ở Gyeongnam, Hàn Quốc bằng chính sách công nghiệp của nhà nước.



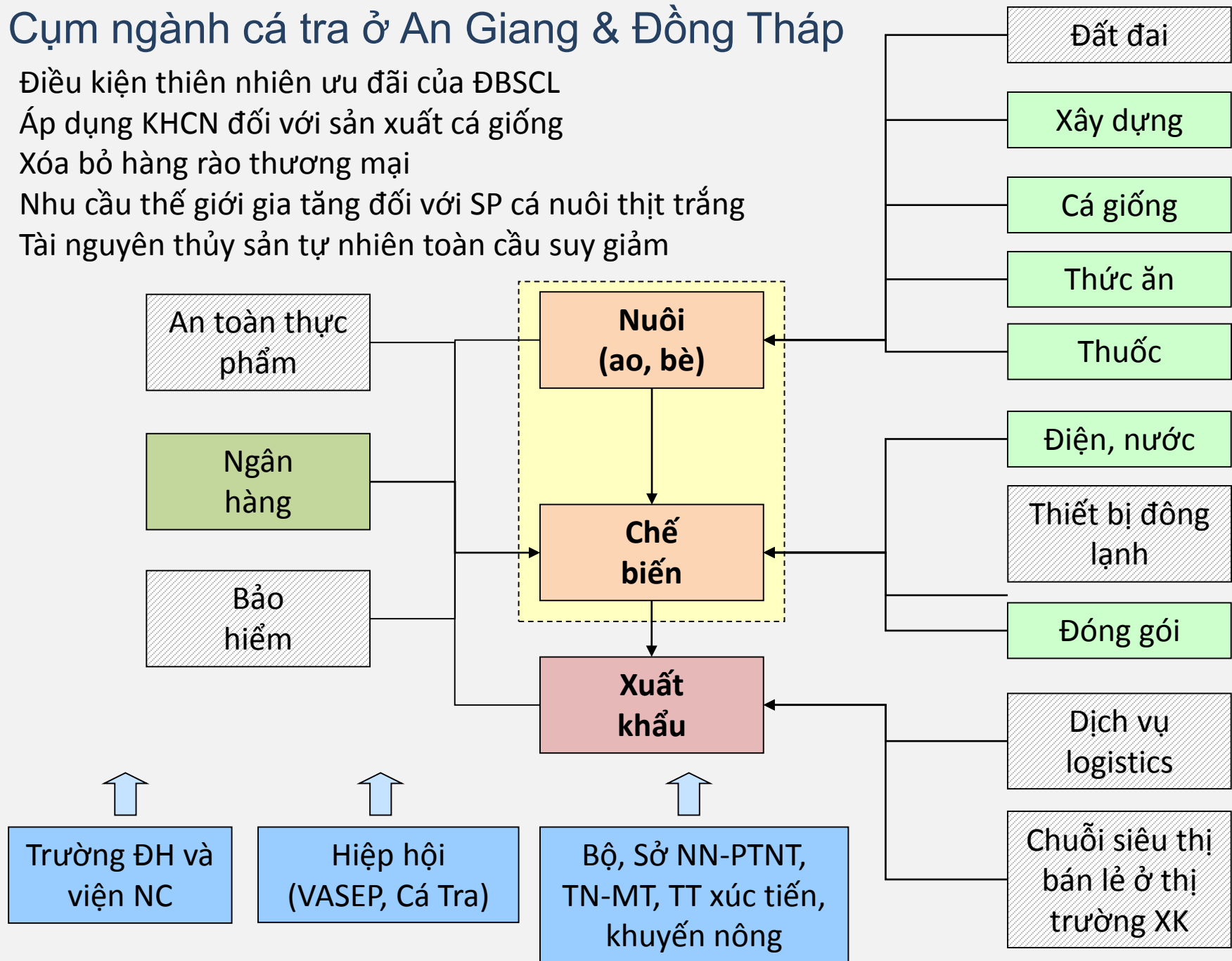
Sự phát triển năng động của cụm ngành phụ thuộc vào sự trỗi dậy của các doanh nghiệp then chốt, từ đó thu hút các doanh nghiệp cạnh tranh khác, các doanh nghiệp ở khâu trước, khâu sau, và các dịch vụ hỗ trợ.



Khi quy mô hiệu quả đã đạt được, các tác động tương hỗ sẽ giúp duy trì sự phát triển của cụm ngành.

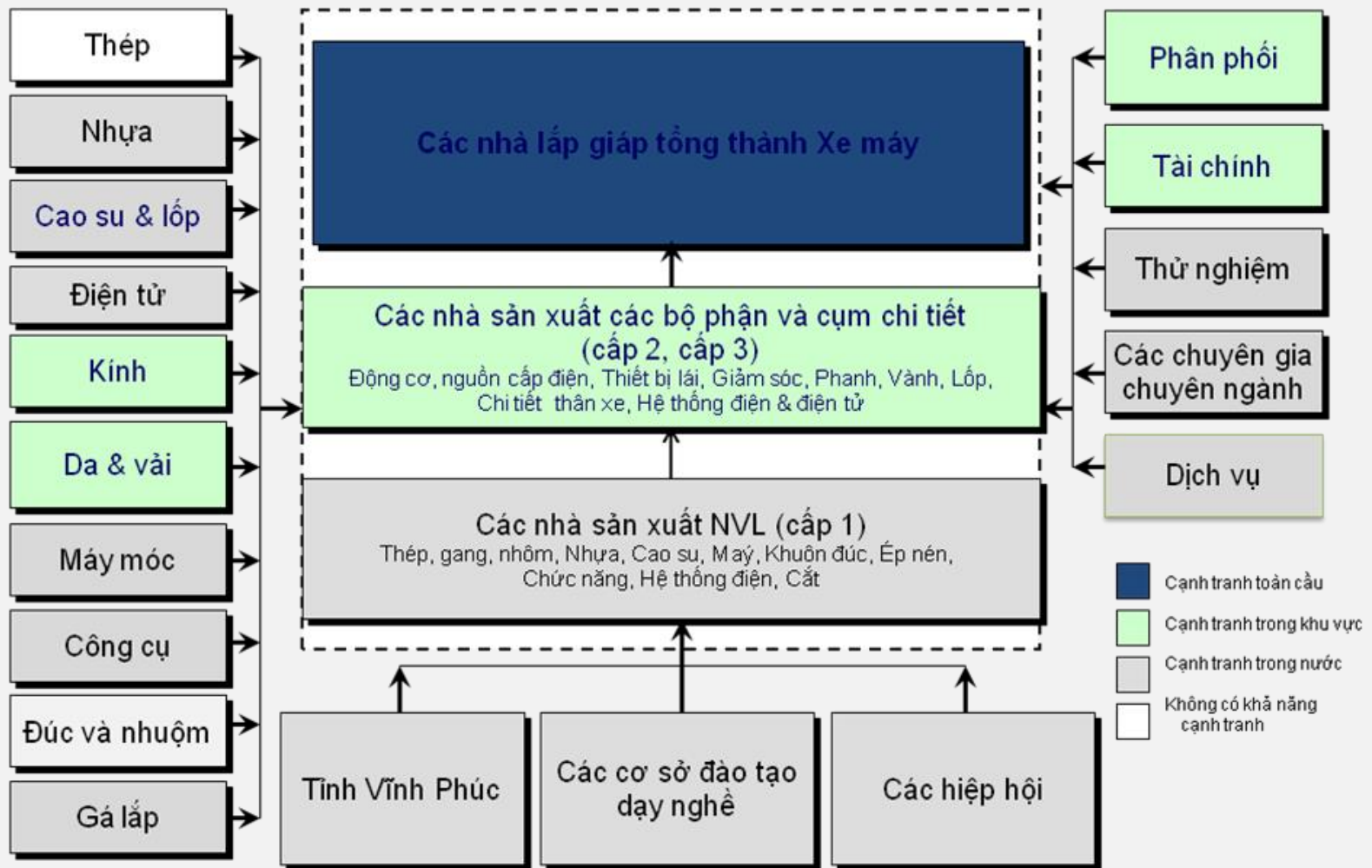
# Cụm ngành cá tra ở An Giang & Đồng Tháp

- Điều kiện thiên nhiên ưu đãi của ĐBSCL
- Áp dụng KHCN đối với sản xuất cá giống
- Xóa bỏ hàng rào thương mại
- Nhu cầu thế giới gia tăng đối với SP cá nuôi thịt trắng
- Tài nguyên thủy sản tự nhiên toàn cầu suy giảm



# Cụm ngành xe máy ở Vĩnh Phúc

- Cầu nội địa
- Xóa bỏ hàng rào thương mại
- CP trung ương định hướng vị trí đầu tư, CQ địa phương cải thiện môi trường ĐT và KD



Nguồn: Sự án nhóm Phát triển Vùng và Địa phương MPP6, “Phát triển cụm ngành xe máy ở Vĩnh Phúc”, 2014.

# Cụm ngành và năng lực cạnh tranh

---

- Thúc đẩy hiệu quả
  - Tăng khả năng tiếp cận với thông tin, dịch vụ và nguyên liệu chuyên biệt
  - Tăng tốc độ và giảm chi phí điều phối cũng như giao dịch giữa các doanh nghiệp trong cụm ngành
  - Tăng khả năng truyền bá các thông lệ và kinh nghiệm kinh doanh hiệu quả
  - Tăng cạnh tranh trong đó tập trung vào việc cải thiện chất lượng trên cơ sở so sánh với các đối thủ trong cụm ngành
- Thúc đẩy đổi mới
  - Tăng khả năng nhận diện cơ hội đổi mới công nghệ với sự có mặt của nhiều luồng thông tin
  - Giảm chi phí và rủi ro thử nghiệm công nghệ mới trước sự sẵn có của nguồn lực tài chính và kỹ năng, dịch vụ hỗ trợ và các doanh nghiệp khâu trước – khâu sau.
- Thúc đẩy thương mại hóa
  - Mở rộng cơ hội phát triển sản phẩm mới và/hoặc thành lập doanh nghiệp mới
  - Giảm chi phí thương mại hóa khi có sẵn nguồn lực về tài chính và kỹ năng.
- Tóm lại, lợi ích then chốt của cụm ngành công nghiệp là đồng thời tăng cạnh tranh, tăng hợp tác, và tạo tác động lan tỏa.

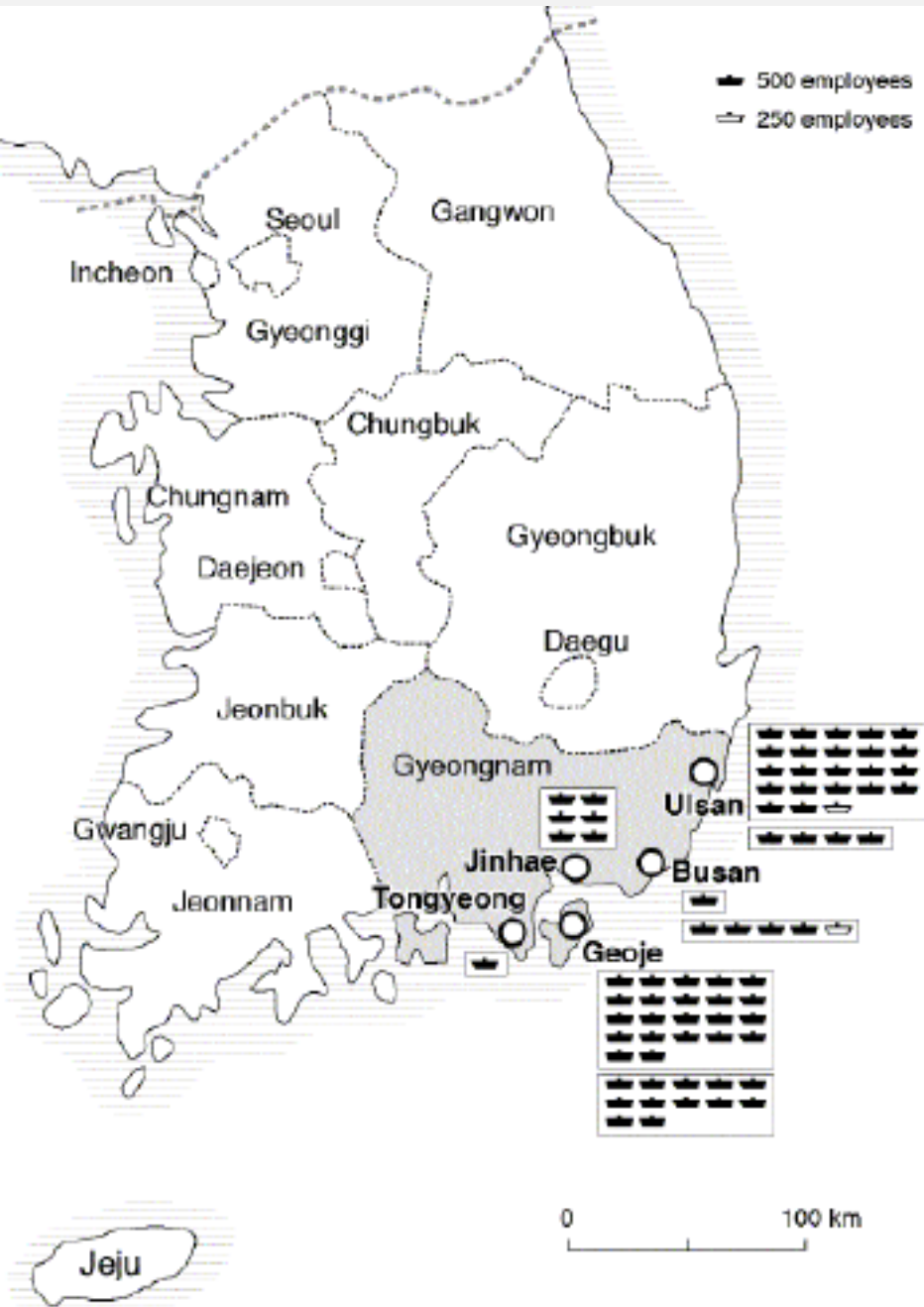
# Vai trò của nhà nước trong phát triển cụm ngành

---

- Cụm ngành đòi hỏi mục tiêu của các chính sách công phải được hướng vào việc cải thiện môi trường kinh doanh tổng thể.
  - Sự phát triển của một cụm ngành không chỉ lệ thuộc vào một vài bộ phận trong cụm ngành đó và thậm chí còn đòi hỏi sự phát triển của những cụm ngành khác.
  - Vì vậy, trong nỗ lực nâng cao tính cạnh tranh cho cụm ngành, thì các giải pháp tạo môi trường kinh doanh thuận lợi phải được xem xét và thực thi trước khi tính đến những hỗ trợ cục bộ và đơn lẻ.
- Chọn ngành có thể không hữu hiệu
  - Nhà nước đứng ra tạo lập ngành hoàn toàn mới bằng trợ giá và bảo hộ, nhưng đi ngược lại những điều kiện về nhân tố SX, nhu cầu, cấu trúc thị trường và ngành phụ trợ thường dẫn tới thất bại hơn là thành công.
- Vai trò của nhà nước nằm ở chỗ:
  - Nhận diện những cụm ngành hiện hữu hay đang trỗi dậy
  - Thúc đẩy sự phát triển của những cụm ngành đã nhận diện thông qua
    - Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn lực và nhân tố SX
    - Duy trì và tăng cường cạnh tranh
    - Thu hút đầu tư (trong và ngoài nước) và các hoạt động nòng cốt và phụ trợ của cụm ngành



# So sánh cụm ngành đóng tàu ở Hàn Quốc và Việt Nam



# Quy trình phân tích NLCT cụm ngành

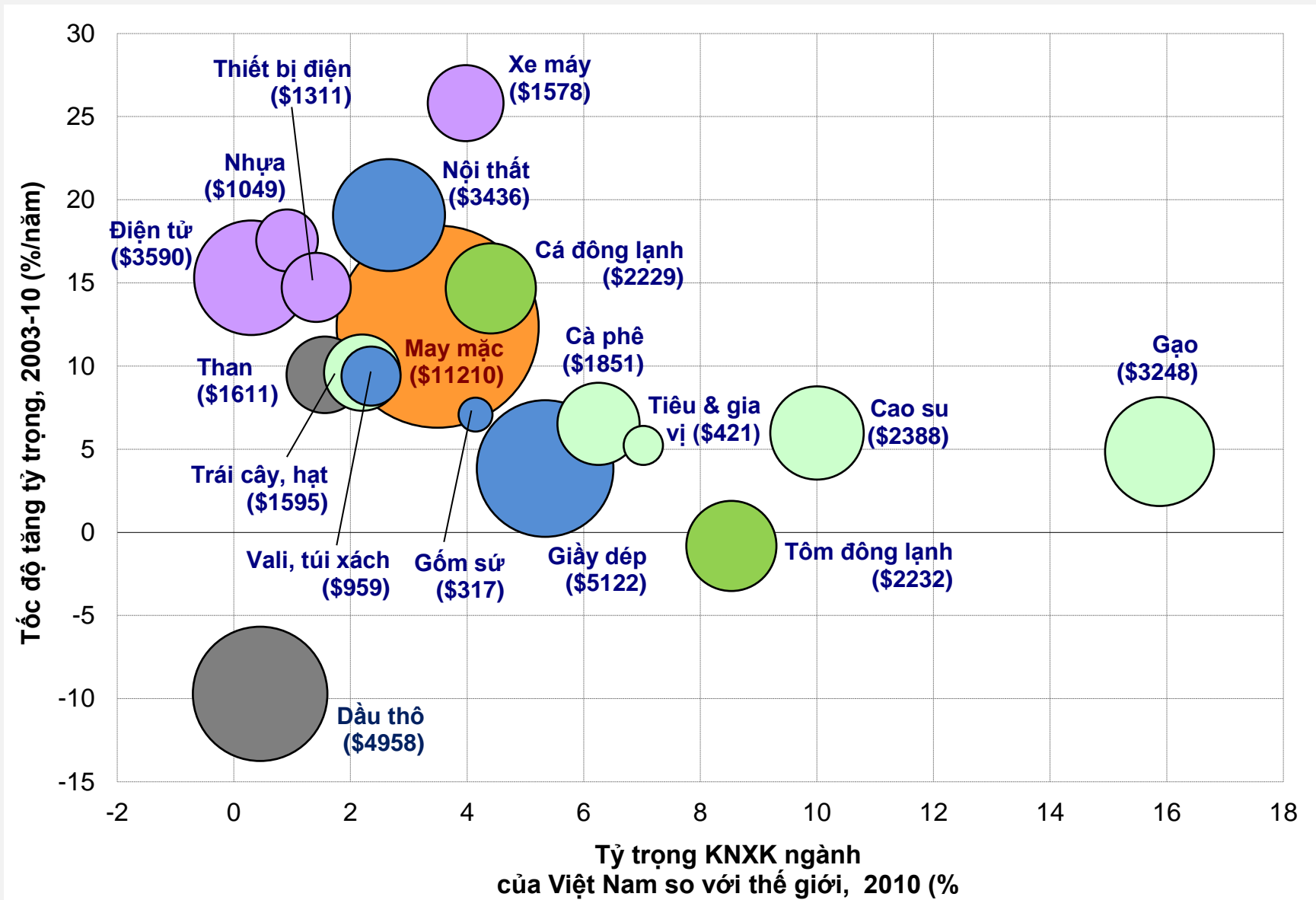
---

Nhận dạng các ngành kinh tế ở địa phương. Đối với từng cụm ngành của địa phương, thực hiện các bước sau:

- Vẽ sơ đồ cụm ngành hoàn chỉnh với đầy đủ các cấu phần (dựa vào một cụm ngành phát triển trên thế giới)
  - Phân tích nguồn gốc hình thành và sự phát triển cụm ngành
  - Bối cảnh và hiện trạng cụm ngành
  - Bản đồ vị trí các hoạt động kinh tế của cụm ngành
  - Đánh giá NLCT cụm ngành theo mô hình kim cương
  - Vẽ sơ đồ hiện trạng cụm ngành
  - Khuyến nghị chính sách
- Ví dụ minh họa: Cụm ngành dệt may ở vùng TP.HCM – Đồng Nai – Bình Dương.

*Nguồn: IPP & CIEM, Đánh giá năng lực cạnh tranh của cụm ngành dệt may trên địa bàn TP.HCM và một số địa phương lân cận, 2013.*

# Nhận dạng các ngành kinh tế theo hướng xuất khẩu của Việt Nam



Ghi chú: Diện tích là giá trị kim ngạch (triệu USD)

Nguồn: UN Comtrade

# Bối cảnh ngành dệt may Việt Nam

---

- Ngành dệt may Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ từ đầu thập niên 1990.
- Từ năm 2008 đến 2012, tỷ trọng đóng góp của ngành dệt may đối với GDP cả nước từ 8%-10%, tốc độ tăng trưởng XK bình quân 15%/năm (Bộ Công Thương).
- Tính đến cuối năm 2012, VN có 5.982 doanh nghiệp sản xuất dệt may, với gần 1.700 doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).
- Toàn ngành sử dụng khoảng 2,5 triệu lao động.

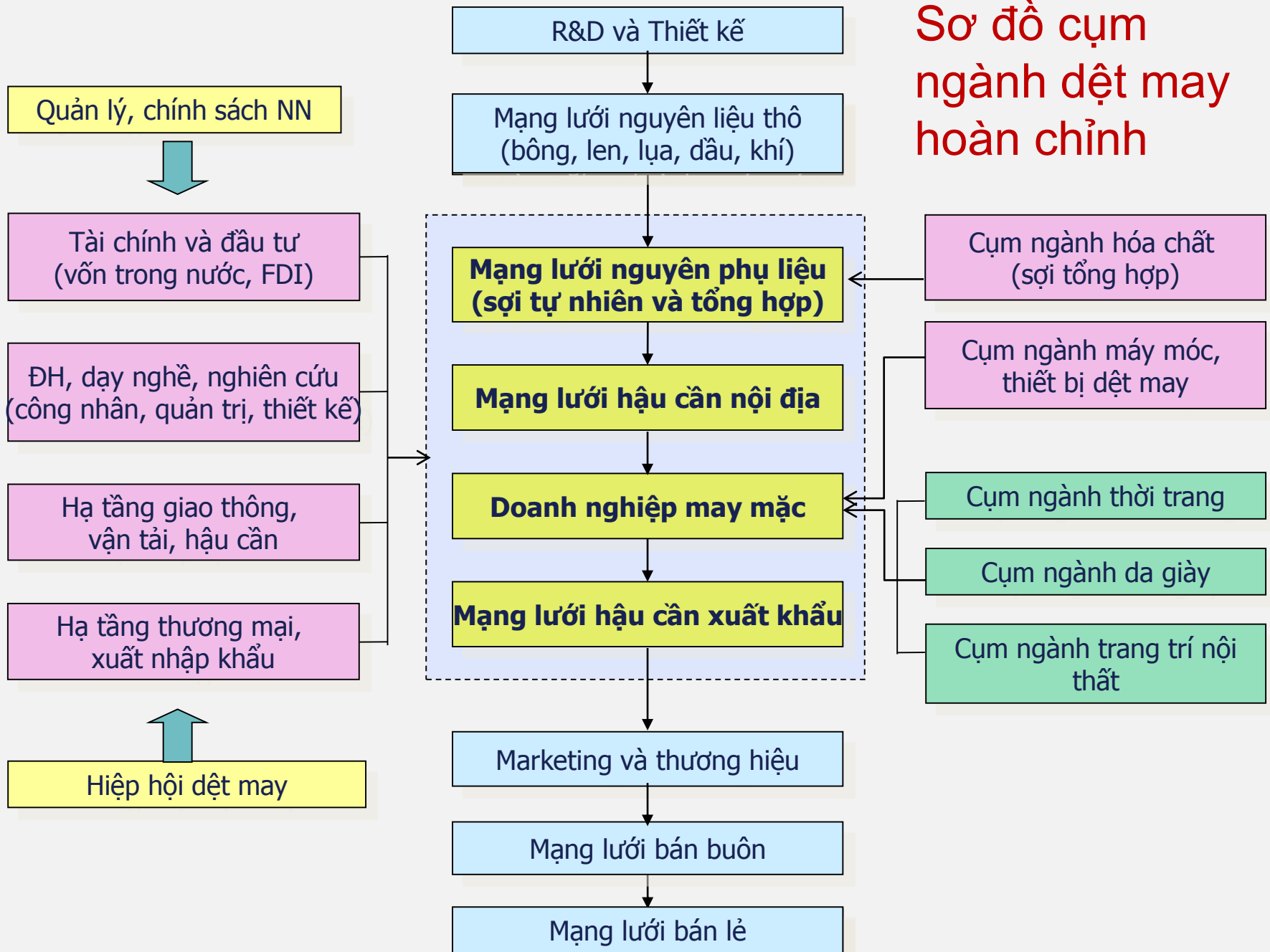
# Vị trí ngành may mặc Việt Nam

- Năm 2007, lần đầu tiên may mặc vượt qua dầu thô để trở thành ngành có KNXXK lớn nhất cả nước.
- 2013: 17,9 tỷ USD, 13,6% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Quốc gia	2005		2012		Thứ hạng		Tốc độ tăng 2005-12
	Kim ngạch (triệu USD)	Tỷ trọng	Kim ngạch (triệu USD)	Tỷ trọng	2005	2012	
Trung Quốc	74.163	26,68%	159.614	37,76%	1	1	11,57%
Hồng Kông	27.292	9,82%	22.573	5,34%	2	2	-2,68%
I-ta-lia	18.655	6,71%	22.148	5,24%	3	3	2,48%
Băng-la-đét	6.890	2,48%	19.948	4,72%	9	4	16,40%
Đức	12.394	4,46%	17.575	4,16%	4	5	5,12%
Thổ Nhĩ Kỳ	11.833	4,26%	14.290	3,38%	5	6	2,73%
<b>Việt Nam</b>	<b>4.681</b>	<b>1,68%</b>	<b>14.068</b>	<b>3,33%</b>	<b>15</b>	<b>7</b>	<b>17,02%</b>
Ấn Độ	8.739	3,14%	13.833	3,27%	6	8	6,78%
Pháp	8.500	3,06%	10.301	2,44%	7	9	2,78%
Tây Ban Nha	4.145	1,49%	9.675	2,29%	17	10	12,87%
Mê-hi-cô	7.306	2,63%	4.449	1,05%	8	17	-6,84%
<b>Toàn cầu</b>	<b>277.988</b>	<b>100,00%</b>	<b>422.686</b>	<b>100,00%</b>			<b>6,17%</b>

Nguồn: Cơ sở dữ liệu WTO.

# Sơ đồ cụm ngành dệt may hoàn chỉnh



# Nguồn gốc hình thành và sự phát triển cụm ngành

---

- Ngành dệt may trong vùng chỉ bắt đầu thực sự hình thành từ chiến lược CN hóa thay thế hàng NK của chính phủ Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn 1955-1971. Với sự giúp đỡ bằng “đặc khoản đầu tư” của chính quyền Sài Gòn, đầu những năm 1960, các nhà máy dệt may ra đời, ở khu vực Chợ Lớn, Tân Bình, Thủ Đức, Biên Hòa.
- Trong giai đoạn 1978-1980, các khâu của chuỗi giá trị dệt may và của các ngành hỗ trợ đã bị tan rã. Sản xuất dệt may vẫn được duy trì trong vùng vì là CN nhẹ, quy mô nhỏ và ở mức hộ gia đình nên không phải là ưu tiên hàng đầu của cải cách công thương nghiệp.
- Từ 1990, chính sách đổi mới và hội nhập kinh tế là nhân tố quan trọng nhất đưa đến sự phát triển của ngành dệt may của Vùng.

# Bối cảnh ngành dệt may TP.HCM

STT	Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo	Giá trị SX 2010 (tỷ VNĐ, giá TT)	Tỷ trọng so với cả nước 2010 (%)	Tốc độ tăng, 2001-05 (%/năm)	Tốc độ tăng, 2006-10 (%/năm)
<b>1</b>	<b>Thực phẩm và đồ uống</b>	<b>93.304</b>	<b>16,0</b>	<b>10,8</b>	<b>9,4</b>
2	Hóa chất	71.489	39,7	13,4	15,6
3	Cao su & nhựa	59.187	45,6	22,8	14,5
<b>4</b>	<b>Thiết bị điện</b>	<b>46.447</b>	<b>50,4</b>	<b>26,4</b>	<b>21,1</b>
<b>5</b>	<b>Trang phục</b>	<b>46.071</b>	<b>37,1</b>	<b>19,6</b>	<b>14,5</b>
6	Sản phẩm kim loại	45.445	25,8	22,6	13,6
<b>7</b>	<b>Giày dép</b>	<b>40.926</b>	<b>40,1</b>	<b>15,1</b>	<b>14,8</b>
<b>8</b>	<b>TB điện tử, vi tính, quang</b>	<b>30.585</b>	<b>27,2</b>	<b>18,4</b>	<b>15,4</b>
<b>9</b>	<b>Đồ nội thất</b>	<b>26.752</b>	<b>28,5</b>	<b>22,7</b>	<b>17,0</b>
10	SP phi kim loại khác	24.918	15,4	16,1	15,5
<b>11</b>	<b>Dệt</b>	<b>24.442</b>	<b>21,7</b>	<b>11,0</b>	<b>5,2</b>
12	MMTB khác	18.357	55,7	0,7	23,5
13	Xe có động cơ	17.586	20,6	14,5	20,6
14	Giấy	17.225	31,0	16,3	15,7
15	Thuốc lá	12.624	46,1	13,0	4,6
16	Phương tiện vận tải khác	9.537	8,6	18,9	6,3
17	Sản xuất kim loại	8.715	6,6	15,1	-7,7



# Bối cảnh ngành dệt may TP.HCM (tt)

---

## **May mặc**

- 9,72% tổng GTSX CN chế biến của TP.HCM (2012)
- TP.HCM chiếm tới 40,9% GTSX may mặc cả nước (2012)
- Tăng trưởng cao 17% (2001-10), 24,7% (2011-12)
- 2012: XK 2,48 tỷ USD, chiếm 19,3% KNXK của TP (không kể khu vực FDI)

## **Dệt**

- 4,4% tổng GTSXCN chế biến của TP.HCM (2012)
- TP.HCM chiếm 18,5% GTSX dệt cả nước (2012)
- Tăng trưởng chỉ là 8,1% (sv. cả nước 11,6%) (2001-10), 5,64% (2011-12)

# XK may mặc và NK nguyên phụ liệu may mặc trên địa bàn TP.HCM (chưa kể khu vực FDI)

	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>
XK may mặc	1.4345	1.579	1.593,9	1.862,9	2.209,8	2.479,5
NK nguyên phụ liệu may mặc	653,4	772,1	693,1	791,6	958,0	1.042,9
trong đó, vải	473,5	573,4	528,3	611,6	751,3	817,8
Tỷ lệ NK nguyên phụ liệu/ tổng kim ngạch XK	45.5%	48.9%	43.5%	42.8%	43.6%	42.1%

Nguồn: NGTK TP.HCM năm 2012.

# Bối cảnh ngành dệt may Đồng Nai

STT	Ngành CN chế biến, chế tạo	Giá trị SX 2010 (tỷ VNĐ, giá TT)	Tỷ trọng so với cả nước 2010 (%)
1	Thực phẩm và đồ uống	70,861	12.16
2	Giày dép	34,054	33.36
<b>3</b>	<b>Dệt</b>	<b>32,885</b>	<b>29.17</b>
4	Hóa chất	25,409	14.11
5	Thiết bị điện	25,132	27.25
6	Điện tử, vi tính và quang	22,668	20.12
7	Nội thất	18,006	19.21
8	Sản phẩm kim loại	16,553	9.40
9	Cao su & nhựa	14,514	11.18
10	SP phi kim loại khác	12,494	7.73
11	Xe có động cơ	11,862	13.89
<b>12</b>	<b>Trang phục</b>	<b>8,967</b>	<b>7.22</b>
13	Phương tiện vận tải khác	8,323	7.48
14	MMTB khác	6,887	20.91
15	Giấy	6,830	12.28
16	Sản xuất kim loại	6,390	4.84
17	Thuốc lá	5,352	19.55
18	Sản xuất sản phẩm gỗ và lâm sản	4,708	9.62
19	Xuất bản, in và sao bản ghi	379	1.54

# Bối cảnh ngành dệt may Bình Dương

STT	Ngành CN chế biến, chế tạo	Giá trị SX 2010 (tỷ VNĐ, giá TT)	Tỷ trọng so với cả nước 2010 (%)
1	Thực phẩm và đồ uống	47.403	3,68
2	Nội thất	39.050	14,67
3	Hóa chất	24.470	5,11
4	Sản xuất kim loại	23.997	5,06
5	Sản phẩm kim loại	21.056	4,06
6	Cao su & nhựa	13.570	4,52
7	Thiết bị điện	13.564	5,27
8	Giày dép	12.790	7,02
9	Điện tử, vi tính và quang	12.725	5,05
<b>10</b>	<b>Trang phục</b>	<b>11.963</b>	<b>3,79</b>
11	Giấy	9.224	6,61
<b>12</b>	<b>Dệt</b>	<b>8.629</b>	<b>2,65</b>
13	MMTB khác	8.341	7,69
14	SP phi kim loại khác	7.796	2,28
15	Sản xuất sản phẩm gỗ và lâm sản	6.882	5,13
16	Xe có động cơ	3.042	1,06
17	Phương tiện vận tải khác	2.246	0,76
18	Xuất bản, in và sao bản ghi	1.502	2,43
19	Thuốc lá	228	0,44

# XK may mặc và NK nguyên phụ liệu may mặc trên địa bàn Bình Dương - Đồng Nai

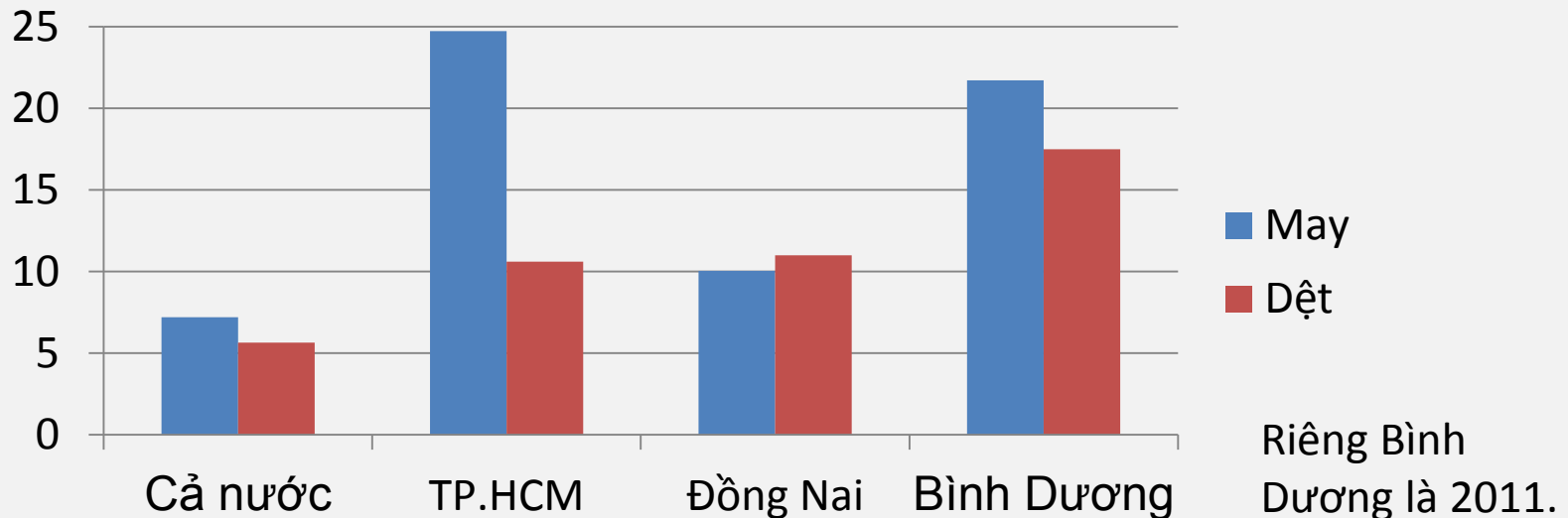
	2006	2007	2008	2009	2010	2011	Sơ bộ 2012
KNXK hàng may mặc							
Đồng Nai	829,2	1.036,9	1.297,2	1.198,3	1.239,0	1.572,3	1.716,6
Bình Dương (triệu SP) <sup>(1)</sup>	144,03	178,9	234,5	350,3	461,3	521,5	-
KNNK nguyên phụ liệu may mặc							
Đồng Nai <sup>(2)</sup>	317,1	487,6	1.032,9	862,3	189,9	220,6	222,3
Bình Dương	256,4	353,1	404,1	358,6	388,3	433,3	-

Nguồn: Niên giám Thống kê Đồng Nai năm 2012 và Niên giám Thống kê Bình Dương năm 2011

# Bối cảnh ngành dệt may HCM –BD – ĐN

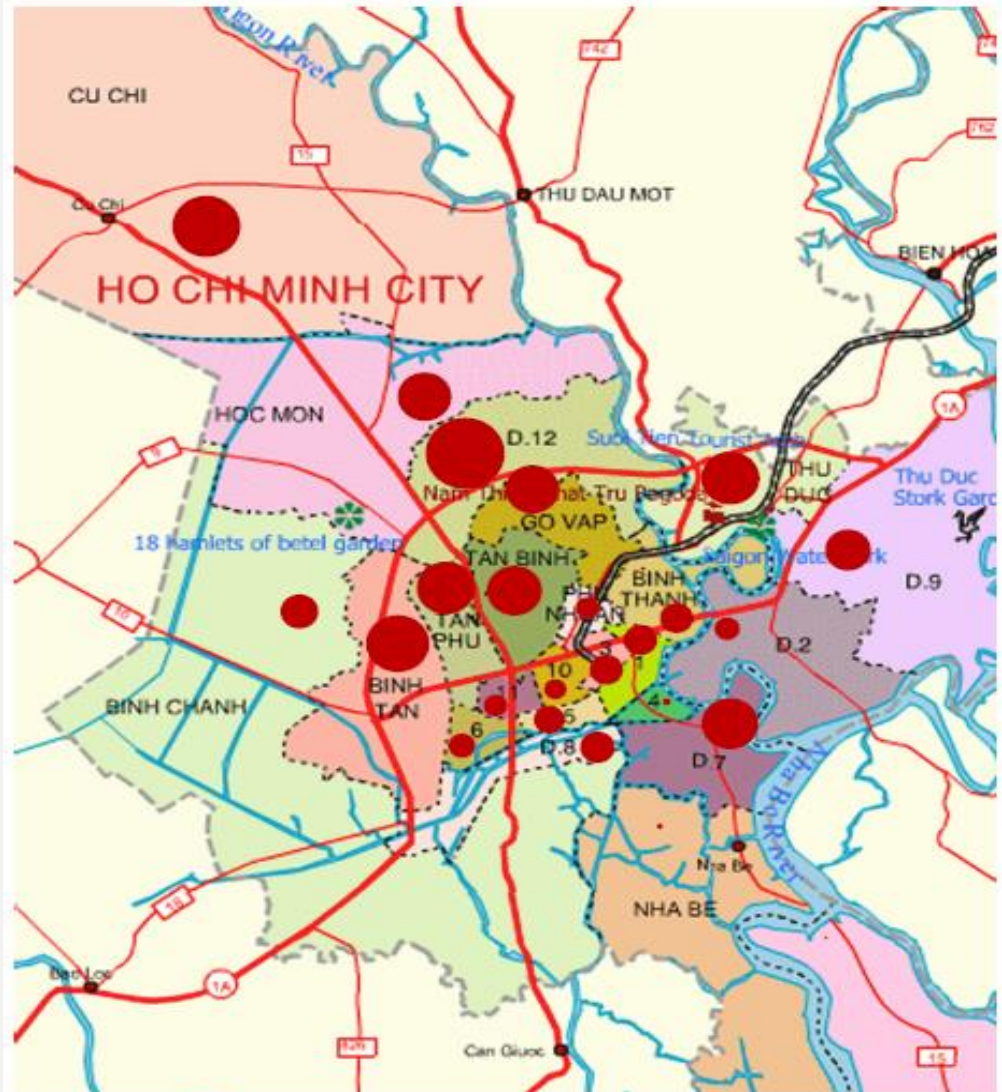
- 2010: Dệt = 53,5%; May = 48,1% GTSX cả nước
- TP.HCM: May quan trọng, đứng thứ 5 về GTSX công nghiệp chế biến/chế tạo
- ĐN: Dệt quan trọng, đứng thứ 3 về GTSXCNCB
- BD: Cả dệt và may đều không thực sự quan trọng (lần lượt đứng thứ 10 và 12 về GTSXCNCB)

## Tốc độ tăng trưởng GTSX dệt may (b/q 2011-12)



# Vị trí doanh nghiệp

- Vị trí của các doanh nghiệp dệt may ở TP.HCM theo quy mô lao động

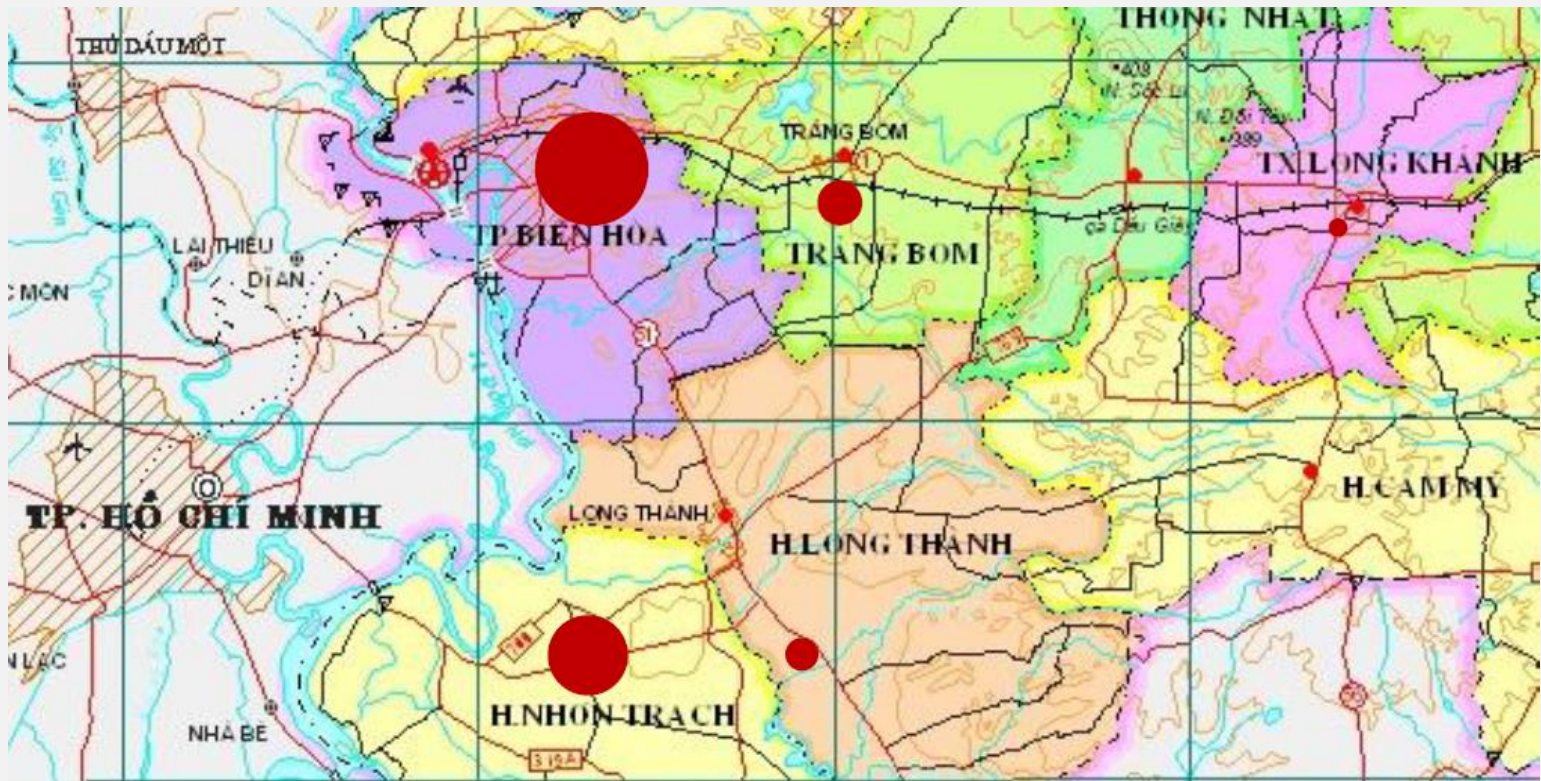


Ghi chú: Diện tích ● = 10.000 lao động.

Nguồn: Tính toán tác giả dựa vào số liệu đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bản đồ nền là của Tổng cục Du lịch.

# Vị trí doanh nghiệp

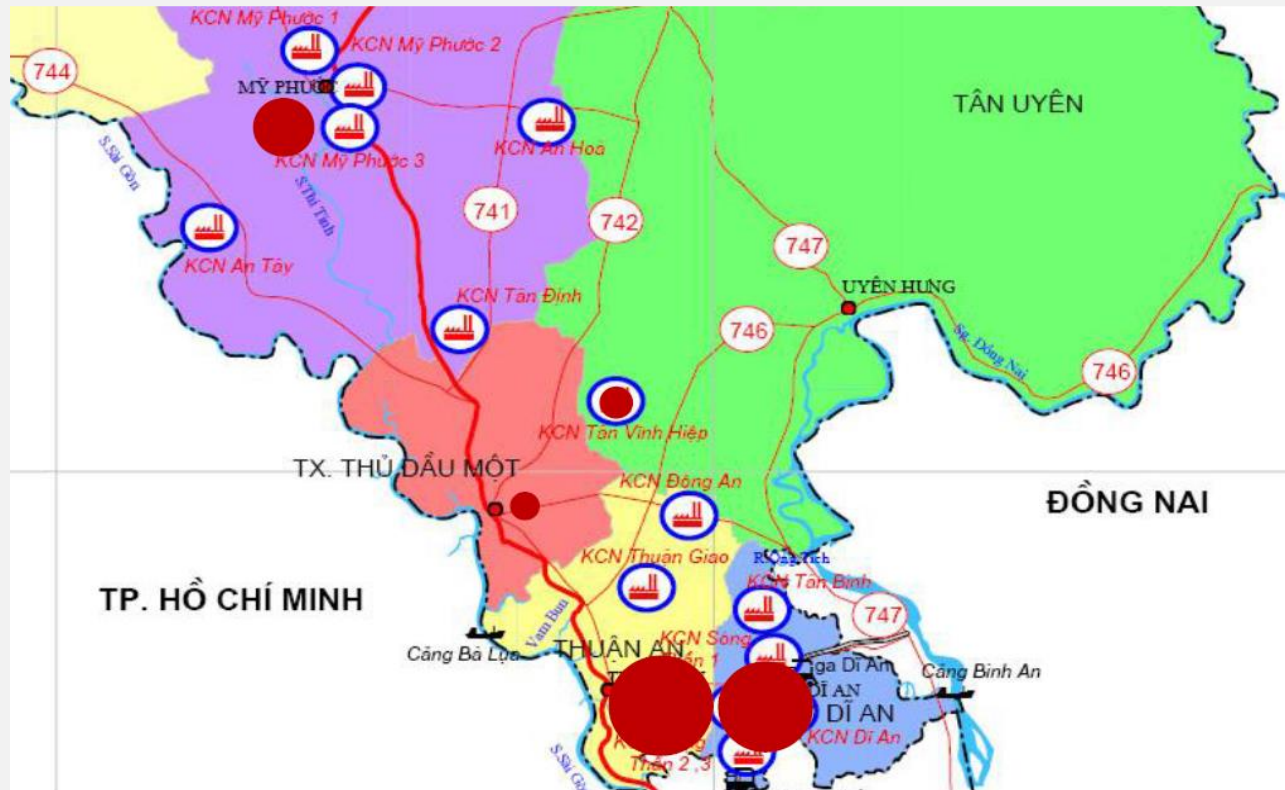
- Vị trí của các doanh nghiệp dệt may ở Đồng Nai theo quy mô lao động





# Vị trí doanh nghiệp

- Vị trí của các doanh nghiệp dệt may ở Bình Dương theo quy mô lao động



Ghi chú: Diện tích  = 10.000 lao động.

Nguồn: Tính toán tác giả dựa vào số liệu đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

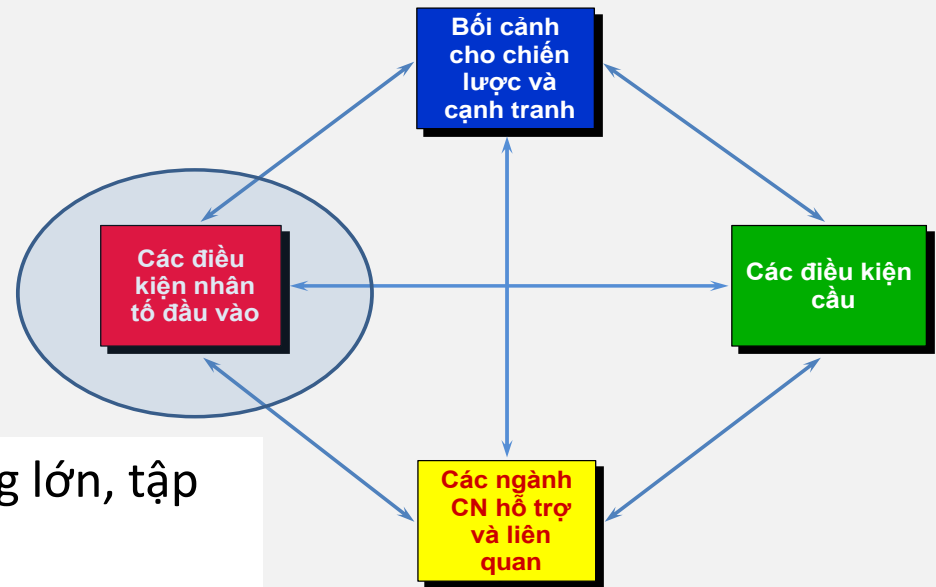
# Đo lường các nhân tố đầu vào trong mô hình kim cương

	Vị thế cạnh tranh
<b>Các điều kiện về nhân tố sản xuất</b>	
Lao động	
Sự sẵn có về lao động với chi phí thấp	4,0
Sự sẵn có về lao động có kỹ năng	2,9
Kỹ năng quản lý	3,3
Kỹ năng thiết kế, xây dựng thương hiệu	2,0
Cơ sở giáo dục và đào tạo	2,0
Cơ sở hạ tầng	
Chất lượng dịch vụ hạ tầng (logistics)	3,0
Chất lượng dịch vụ hạ tầng (điện, nước)	4,0
Đất đai	3,1
Nguyên phụ liệu	
Gần với nguồn nguyên phụ liệu	2,0
Chi phí nguyên liệu thô nội địa so với NK	3,0
Chất lượng nguyên phụ liệu nội địa	2,5

Thang đo 1-5: 5 là có tính cạnh tranh ngang bằng với các cụm ngành mạnh nhất toàn cầu và 1 là có tính cạnh tranh kém nhất trong số các cụm ngành có xuất khẩu đáng kể ra toàn cầu

Thang đo xây dựng dựa vào số liệu điều tra doanh nghiệp và số liệu thống kê chính thức.

# Các điều kiện nhân tố đầu vào đối với ngành may mặc Việt Nam



- [+] Lao động giản đơn với số lượng lớn, tập trung, chi phí thấp
- [+] Lao động giản đơn khéo tay với chi phí đào tạo không cao
- [-] Thiếu lao động kỹ thuật, thiết kế và quản lý kinh doanh
- [+] Tập trung nhiều vốn FDI
- [+] Khu công nghiệp tập trung
- [+] Điện
- [+/-] Cơ sở hạ tầng giao thông

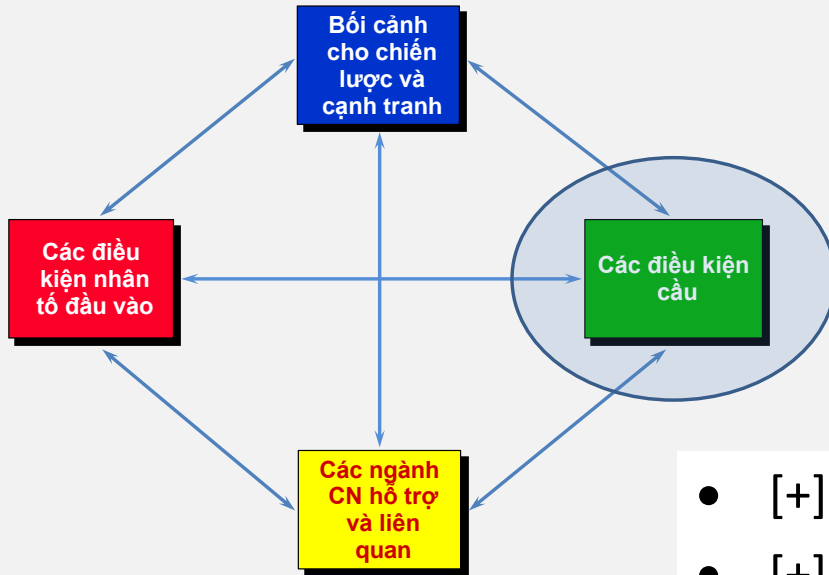
# Đo lường các điều kiện cầu trong mô hình kim cương

	Vị thế cạnh tranh
<b>Các điều kiện về cầu</b>	
Mở rộng thị trường địa phương và trong nước	4,0
Mở rộng thị trường xuất khẩu	5,0
Phát triển SP, sáng tạo trước những thay đổi	3,2

Thang đo 1-5: 5 là có tính cạnh tranh ngang bằng với các cụm ngành mạnh nhất toàn cầu và 1 là có tính cạnh tranh kém nhất trong số các cụm ngành có xuất khẩu đáng kể ra toàn cầu

Thang đo xây dựng dựa vào số liệu điều tra doanh nghiệp và số liệu thống kê chính thức.

# Các điều kiện cầu đối với ngành may mặc Việt Nam



- [+] Nhu cầu nội địa tăng nhanh
- [+] Xuất hiện nhu cầu nội địa mới
- [-] Nhu cầu nội địa thiếu tinh tế và khắt khe
- [-] Tâm lý chuộng hàng ngoại

# Đo lường các nhân tố về bối cảnh cạnh tranh trong mô hình kim cương

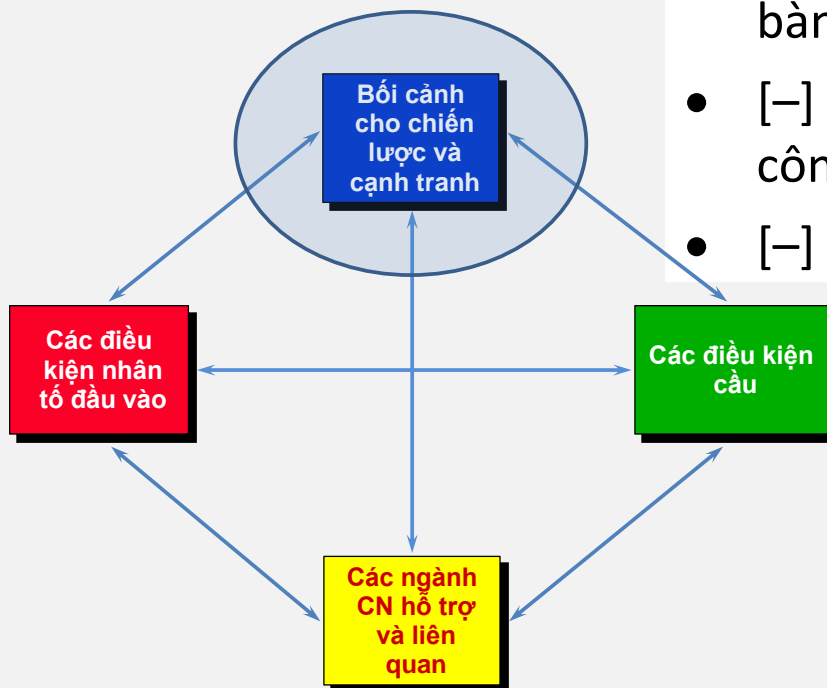
	Vị thế cạnh tranh
<b>Chiến lược, cấu trúc và đối thủ cạnh tranh của DN</b>	
Mức độ hiện diện của các DN nước ngoài	5,0
Mức độ cạnh tranh	3,1
Rào cản thương mại	5,0
Rào cản gia nhập ngành	5,0
Hiểu biết về DN ở xung quanh	1,0
Lợi ích của hợp tác đến lợi nhuận	3,2
Mức độ cao trong áp dụng công nghệ tại DN	2,5

Thang đo 1-5: 5 là có tính cạnh tranh ngang bằng với các cụm ngành mạnh nhất toàn cầu và 1 là có tính cạnh tranh kém nhất trong số các cụm ngành có xuất khẩu đáng kể ra toàn cầu

Thang đo xây dựng dựa vào số liệu điều tra doanh nghiệp và số liệu thống kê chính thức.

# Bối cảnh cho chiến lược và cạnh tranh đối với ngành may mặc Việt Nam

- [+] Cạnh tranh quyết liệt giữa số lượng lớn các DN với quy mô khác nhau và hình thức sở hữu khác nhau
- [+] Rào cản gia nhập ngành thấp
- [+] Rào cản thương mại thấp
- [-] Chiến lược kinh doanh lấy may mặc làm bàn đạp để đầu tư sang ngành khác
- [-] Chiến lược kinh doanh tập trung vào gia công là mắt xích duy nhất trong chuỗi giá trị
- [-] Bảo vệ sở hữu trí tuệ ít hiệu lực



# Đo lường các nhân tố về ngành hỗ trợ và liên quan trong mô hình kim cương

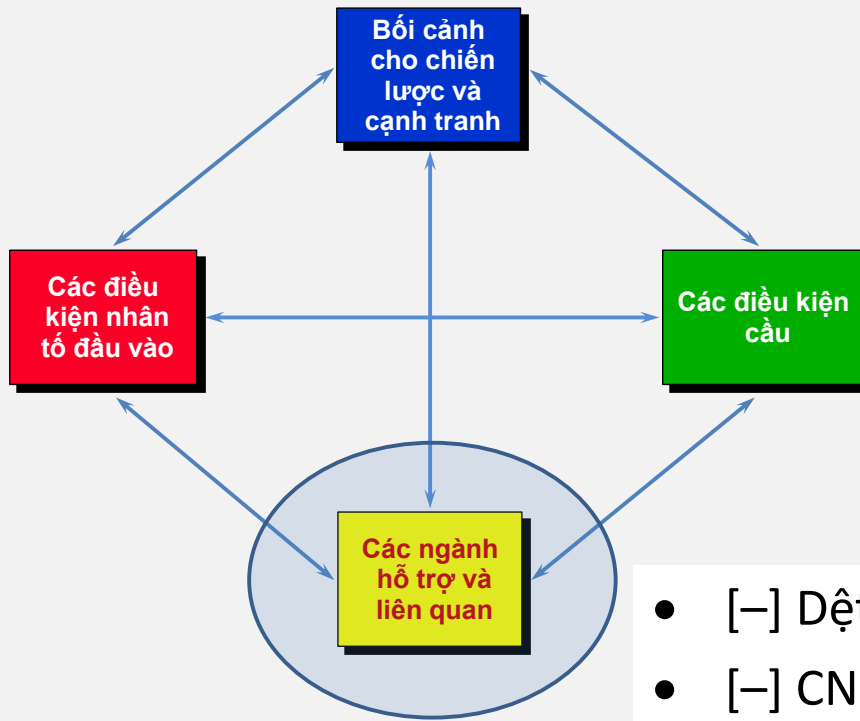
	Vị thế cạnh tranh
<b>Các ngành công nghiệp hỗ trợ có liên quan</b>	
CN phụ trợ cho may mặc	1,0
Ngành MMTB may	0,7
Ngành tài chính	2,5

Thang đo 1-5: 5 là có tính cạnh tranh ngang bằng với các cụm ngành mạnh nhất toàn cầu và 1 là có tính cạnh tranh kém nhất trong số các cụm ngành có xuất khẩu đáng kể ra toàn cầu

Thang đo xây dựng dựa vào số liệu điều tra doanh nghiệp và số liệu thống kê chính thức.

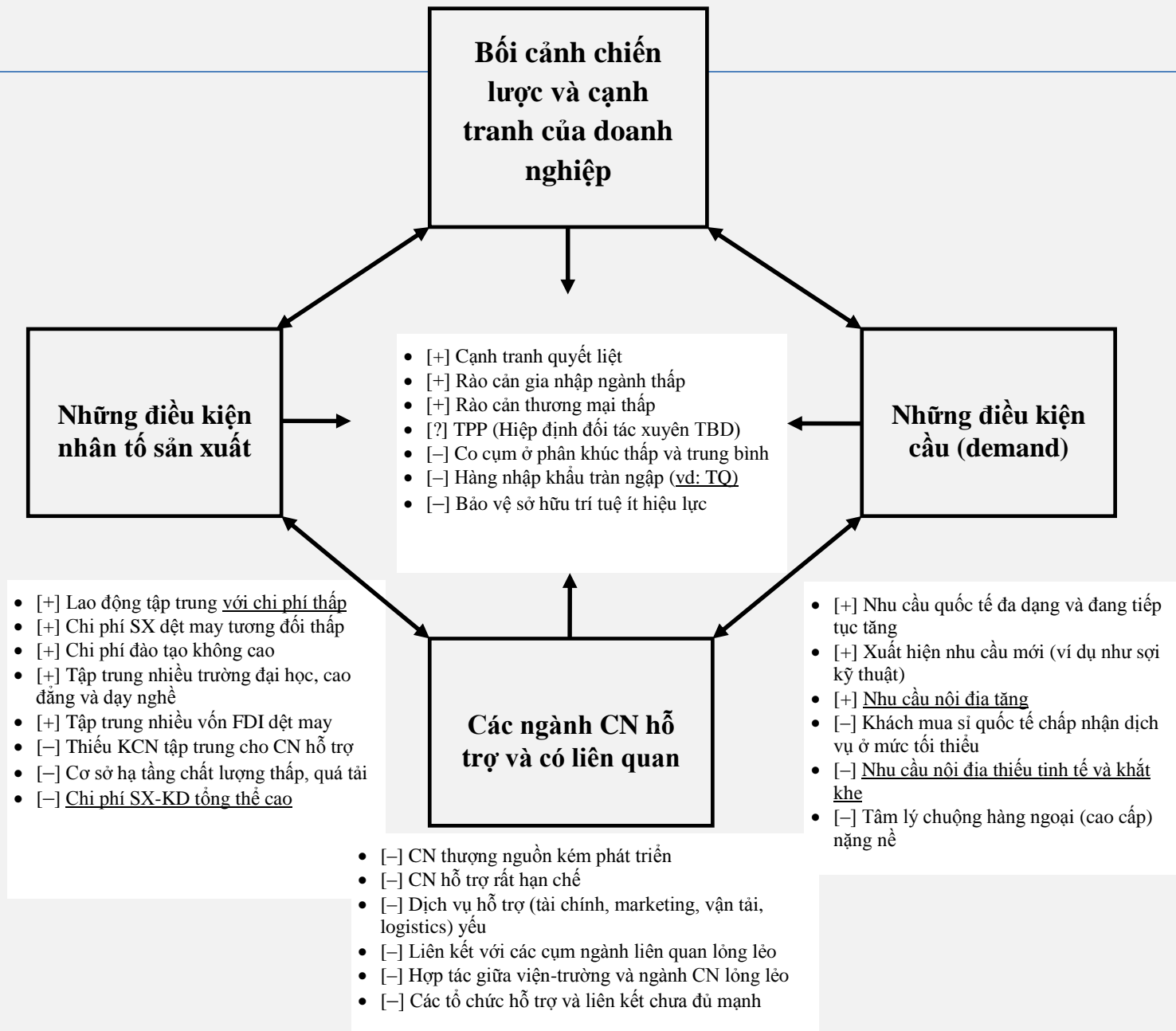


# Các ngành hỗ trợ và có liên quan đối với ngành may mặc Việt Nam

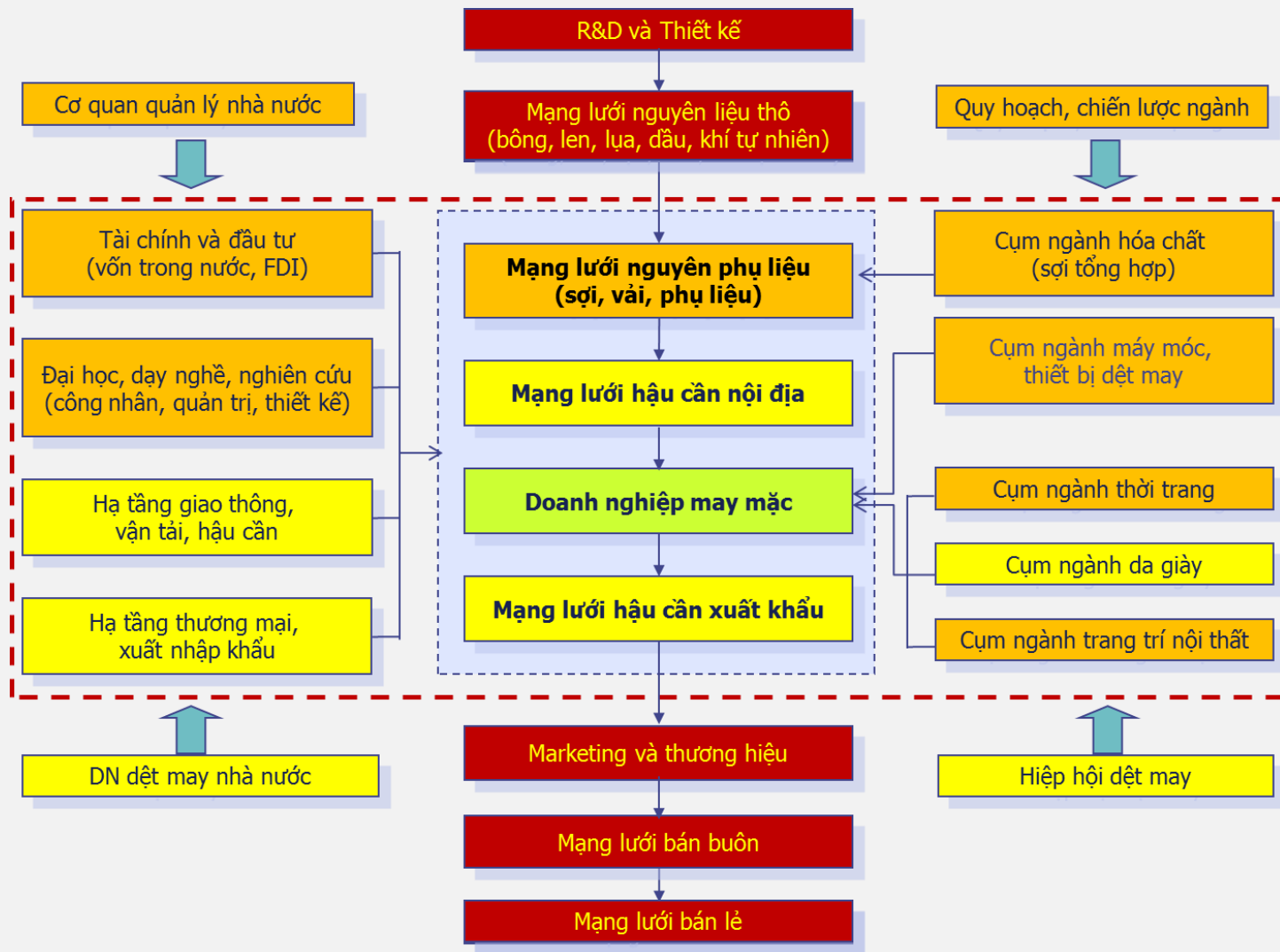


- [-] Dệt, nhuộm kém phát triển
- [-] CN phụ trợ rất hạn chế
- [-] Dịch vụ hỗ trợ (tư vấn, marketing) yếu
- [-] Liên kết với các cụm ngành liên quan lỏng lẻo
- [-] Hợp tác giữa viện-trường và ngành CN lỏng lẻo

# Đánh giá NLCT bằng mô hình kim cương



# Sơ đồ cụm ngành dệt may Vùng



Rất yếu	Yếu	Trung bình	Mạnh	Rất mạnh

Câu hỏi chính sách: Dệt may có phải là ngành mà Vùng vẫn đang có lợi thế so sánh và cần được ưu tiên phát triển với những chính sách hỗ trợ cụ thể hay không?

## **Lợi thế vẫn tồn tại**

- Chiến lược cạnh tranh của DN dựa vào chi phí thấp, nhưng là của lao động kỹ năng và lợi thế từ kỹ thuật SX.
- Nguồn cung sẵn có của đầu vào và CSHT hỗ trợ.
- Cụm ngành vẫn đang trong quá trình hình thành.

## **Thách thức**

- Có cơ hội, nhưng không thấy rõ năng lực nâng cấp chuỗi giá trị.
- Áp lực đối với việc cung cấp dịch vụ xã hội cho lao động nhập cư.

# Khuyến nghị chính sách

---

## **1) Xem xét lại chính sách khuyến khích các DN dệt may sử dụng nhiều lao động di dời ra khỏi Vùng**

- Hạn chế một cách máy móc đầu tư may mặc vào Vùng thì hoạt động kinh tế này sẽ không di chuyển ra các tỉnh khác mà di chuyển sang các nước khác.
- *Chỉ khuyến khích di dời đối với các DN dệt may nằm trong các quận đô thị đã phát triển và nằm ngoài các KCN.*
- *Không thực hiện chính sách hạn chế dự án đầu tư dệt may mới vào Vùng mà thay vào đó là chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc.*
- *Việc nâng cấp chuỗi giá trị và hướng tới các hoạt động có GTGT cao hơn sẽ đến từ đầu tư mới.*
- *Thu hút đầu tư có chọn lọc nhằm tăng GTGT hoạt động SX dệt may cần được thực hiện theo hai hướng: (i) sản xuất sản phẩm may mặc có giá trị lớn hơn và đòi hỏi lao động có tay nghề cao hơn; (ii) sản xuất và xuất khẩu theo các phương thức có GTGT cao hơn.*

# Khuyến nghị chính sách (tt)

---

## **2) Nâng cấp cụm ngành, tăng cường liên kết và hợp tác trong cụm ngành dệt may**

Vai trò liên kết và hợp tác của **Hiệp hội Dệt May và VCCI-HCM** như là một *thể chế hỗ trợ* then chốt cho sự phát triển của cụm ngành dệt may trong Vùng:

- *Thể chế hỗ trợ đóng vai trò cung cấp thông tin thị trường*: thông tin về nội dung và tác động của những hiệp định và cam kết quốc tế liên quan đến ngành dệt may, chính sách thương mại cập nhật của các nước nhập khẩu quan trọng (biểu thuế nhập khẩu, các hàng rào phi thuế quan, luật chống bán phá giá), và dự báo thị trường trong và ngoài nước (xu thế thị hiếu, giá cả, nhu cầu).
- *Thể chế hỗ trợ đóng vai trò cầu nối giữa các bộ phận của cụm ngành* như máy móc và thiết bị dệt may, hóa chất, thời trang, da giày, nội thất, viện, trường đại học, trung tâm đào tạo nghề, tín dụng, ...
- *Thể chế hỗ trợ đóng vai trò cầu nối và kênh đối thoại chính sách với các cơ quan của nhà nước*.
- *Thể chế hỗ trợ giúp các DN dệt may trong hoạt động xúc tiến thương mại*

# Khuyến nghị chính sách (tt)

---

## **3) Tận dụng cơ hội tham gia Hiệp định Xuyên Thái Bình Dương (TPP) để thu hút đầu tư nâng cấp chuỗi giá trị dệt may.**

- *Ưu tiên thu hút đầu tư trực tiếp của các DN dệt may nước ngoài có năng lực về vốn, trình độ kỹ thuật, khả năng tổ chức quản lý, và nhất là hiểu biết nhu cầu dệt may trên thị trường thế giới đầu tư vào các công đoạn sợi – dệt – nhuộm – hoàn tất nhằm:*
  - trước mắt đáp ứng quy tắc “từ sợi trở đi”, hưởng ưu đãi về thuế vào các thị trường các nước thuộc TPP.
  - hưởng lợi từ sự hấp thu công nghệ, trình độ quản lý và lao động có tay nghề từ các DN FDI đầu tư vào các công đoạn sợi, dệt, nhuộm, hoàn tất từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia vào các công đoạn này.
  - thực hiện các phương thức sản xuất đem lại giá trị gia tăng cao hơn, chẳng hạn như chuyển từ CMT sang FOB đúng nghĩa.
- *Các địa phương trong Vùng tạo điều kiện cho các DN dệt may nội địa, đặc biệt là các DN lớn (bao gồm cả các DNNN thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam), tham gia đầu tư vào các công đoạn sợi – dệt – nhuộm – hoàn tất*